TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/HSST
Ngày: 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lường Văn Vui.**

2. Ông **Giàng A Chu.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/TLST-HS, ngày 24 tháng 8 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HS, ngày 07/9/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn M;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1979, nơi sinh: xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Lường Văn D (Đã chết) và con bà Lường Thị H (Đã chết); Bị cáo có 8 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 7 trong gia đình; Vợ bị cáo: Lò Thị T, sinh năm 1986 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền sự; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Họ và Tên: Lò Thị T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 05/6/2017 M một mình đi bộ từ nhà ở của mình thuộc bản X, xã B, huyện M, mục đích đi tìm Hêrôin để sử dụng, khi đi lên đến khu vực nghĩa trang bản X, xã B thì M gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông (M không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đó ở đâu) 01 gói Hêrôin có trọng lượng là 0,12 gam được gói bên trong mảnh túi nilông màu trắng và 01 gói hồng phiến được gói bằng túi nilông màu hồng, bên trong chứa 16 viên ma túy tổng hợp có ký hiệu WY, trong đó có 14 viên màu hồng và 02 viên màu xanh, tổng trọng lượng là 1,55 gam với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được số ma túy nói trên, M đi lên khu vực dốc B thuộc bản, xã B, huyện M rồi đi vào bụi cây cạnh đường lấy gói Hêrôin và gói hồng phiến ra chuẩn bị sử dụng thì thấy tổ công tác Công an đồn B đến yêu cầu nếu có ma túy thì giao nộp. M đã tự giác lấy toàn bộ số ma túy vừa mua được và số tiền 2.090.000đ (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) nộp cho tổ công tác.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ngày 05/6/2017 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 517/GĐ-PC54, ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận số vật chứng thu giữ của Lường Văn M có trọng lượng 0,12 gam là hêrôin (Hêrôin nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013); 16 viên trong đó 14 viên màu hồng và 02 viên màu xanh có trọng lượng 1,55 gam là Methamphetamine (Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, SST: 67, danh mục II, nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013).

Tại bản cáo trạng số: 45/QĐ-VKS- HS ngày 23/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lường Văn M về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo M: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt Lường Văn M từ 20 đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 của BLHS và điểm a khoản 2 điều 76 của BLTTHS: Tịch thu để tiêu hủy: 0,07gam hêrôin và 1,34 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi trích mẫu gửi giám định. Trả lại số tiền 2.090.000đ (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) cho chị Lò Thị T.

Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo M thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của

VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lường Văn M đã khai và công nhận: Hồi 10 giờ 50 phút ngày 05/6/2017 tại khu vực bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên Lường Văn M đã bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép 0,12 gam hêrôin và 1,55 gam Methanphetamine, mục đích của bị cáo tàng trữ để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 45/QĐ-VKS-HS ngày 23/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ 0,12 gam hêrôin và 1,55 gam Methanphetamine là hai chất ma túy khác nhau nhằm mục đích để sử dụng (*sau khi quy đổi tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của các chất ma túy là 10,15% dưới 100% nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm 0 khoản 2 điều 194 của BLHS)* đủ định lượng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 194 BLHS quy định: "Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù, được quy định tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại bản X, xã B, huyện M được nuôi ăn học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2006 xây dựng gia đình với chị Lò Thị T, bản thân bị cáo là người nghiện chất ma túy. Ngày 25/10/2002 bị TAND huyện Tuần Giáo xử phạt 12 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 135 của BLHS năm 1999". Đến nay đã thi hành xong hình phạt chính và khoản án phí 50.000^{đ}. Riêng khoản tiền bồi thường 9.000^{đ} cho anh Lê Văn Đạt (do anh Đạt

không có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục thi hành án không thụ lý giải quyết, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định tại Điều 30 của Luật THADS năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014). Bị cáo là một người chồng, người cha, là trụ cột của gia đình, bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, chí thú làm ăn, làm chỗ dựa cho vợ con, bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, vì muốn thỏa mãn nhu cầu xấu của bản thân đã cố tình đi vào con đường phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS và áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, đồng thời áp dụng khoản 3 điều 7, khoản 1 điều 249 BLHS 2015 cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của BLHS.

Bị cáo M với nghề nghiệp là làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Nguồn gốc số hêrôin Lường Văn M khai mua của người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên, địa chỉ nên không đủ cơ sở xác minh làm rõ. Do đó không đề cập vấn đề xử lý trong vụ án. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 0,07 gam hêrôin và 1,34 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định. Số tiền 2.090.000đ thu giữ của bị cáo, xét thấy không liên quan đến vụ án, đây là số tiền của vợ chồng bị cáo, Hội đồng xét xử trả lại cho chị Lò Thị T là vợ bị cáo.

Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

[2] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn M 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 05/6/2017).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 0,07 gam hêrôin và 1,34 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định. Trả lại số tiền 2.090.000[đ] cho chị Lò Thị T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 28/8/2017).

3. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- Công an h.Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương